CÔNG TY CP CƠ KHÍ KIÊN GIANG
Đc: Số 181 đường CMT8, P. Vĩnh Lợi, Tp Rạch Giá, Kiên Giang
ĐT : 02973 913505, Fax: 02973 913506
Số: 04 /BCTC-KIMEC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2023

(đã kiểm toán)

I-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	604.324.647.931
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	54.804.710
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	604.269.843.221
4	Giá vốn hàng bán	542.158.451.763
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.111.391.458
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.097.126.188
7	Chi phí tài chính	5.352.453.482
	Trong đó : Chi phí lãi vay	*5.368.830.324*
8	Chi phí bán hàng	15.629.035.572
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.276.879.427
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.950.149.165
11	Thu nhập khác	3.892.984.685
12	Chi phí khác	293.372.165
13	Lợi nhuận khác	3.599.612.520
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.549.761.685
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.605.712.337
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.401.920
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.914.647.428
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	

II-BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	Mã số	SỐ DƯ 01/01/2023	SỐ DƯ 31/12/2023
	TÀI SẢN			
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	**272.213.469.695**	**305.967.337.235**
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	21.535.033.744	60.374.455.660
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.460.000.000	20.680.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	129.450.107.407	149.900.038.434
IV	Hàng tồn kho	140	116.566.902.373	74.663.139.784
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	201.426.171	349.703.357
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**	**34.847.678.068**	**32.916.592.595**
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
II	Tài sản cố định	220	24.223.241.782	22.113.599.429
III	Bất động sản đầu tư	230		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	241.485.980	170.708.636
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	9.983.623.158	10.000.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260	399.327.148	632.284.530
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**307.061.147.763**	**338.883.929.830**
	NGUỒN VỐN			
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**	**170.151.690.858**	**196.059.825.497**

I	Nợ ngắn hạn	310	169.205.728.458	195.260.872.697
II	Nợ dài hạn	330	945.962.400	798.952.800
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**136.909.456.905**	**142.824.104.333**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**136.909.456.905**	**142.824.104.333**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.000.000.000	80.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phiếu	412		
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	9.888.335.027	9.888.335.027
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	47.021.121.878	52.935.769.306
	-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		*47.021.121.878*	*31.021.121.878*
	-LNST chưa phân phối kỳ này			*21.914.647.428*
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		
1	Nguồn kinh phí	431		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**307.061.147.763**	**338.883.929.830**

III-CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cuối kỳ báo cáo
	Cơ cấu tài sản		
1	-Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,7%
	-Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	90,3%
	Cơ cấu nguồn vốn		
2	-Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57,9%
	-Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	42,1%
	Khả năng thanh toán		
3	-Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	118,3%
	-Khả năng thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	156,7%
	Hệ số khả năng sinh lời		
4	-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	19,3%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,5%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,6%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,3%

Kiên Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

Lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Huỳnh Thế Cường	*Nguyễn Thị Thu Cúc*	*Châu Quốc Hiếu*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ KIÊN GIANG